TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-PT
Ngày 24 tháng 9 năm 2019
"Tranh chấp di sản thừa kế "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 71/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐ-PT ngày 28/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 5 ấp N, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- *Bị đơn:*

1. Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ), sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 6 ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1993;

3. Anh Huỳnh Thanh Q, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Tổ 6 ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**

1. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 4 ấp P, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1062; địa chỉ: Tổ 3 ấp N, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 5 ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của ông L, bà Q, bà D là ông Lê Minh P, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 6, khu phố H, phường , thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày có mặt).

4. Chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 6 ấp Nhân Tâm, xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Đại diện hợp pháp của chị H là mẹ ruột bà Dương Thị T (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ), sinh năm 1971; địa chỉ:Tổ 6 ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ;

- *Kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Cha mẹ Bà là ông Huỳnh Văn N (1932-2012) và bà Nguyễn Thị A (1931-2013) có 5 người con, gồm: Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị D. Ngoài ra không có con nuôi, con riêng. Ông bà nội ngoại đều đã chết từ lâu. Ông L chết năm 2016 có vợ là bà Dương Thị T và 03 con là anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q và chị Huỳnh Thị Kim H.

Sinh thời cha mẹ Bà tạo lập được khối tài sản là diện tích 2.126m^2 đất thuộc thửa số 172 tờ bản đồ số 07 (mới là thửa 46 tờ bản đồ 16) tọa lạc tại xã X, huyện M. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G ngày 16/1/1996 đứng tên ông Huỳnh Văn N. Theo sơ đồ đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 01/6/2018 thì diện tích đất là 1.894,9m^2, trong đó lô 1 là 1339.8m^{2,} lô 2 là 555.1m^2. Cha mẹ Bà xây 01 căn nhà diện tích 82,7m^2 năm 1983 trên phần đất lô 1. Trên phần đất lô 2 có căn nhà diện tích 52,9m^2 do Ủy ban nhân dân huyện M hỗ trợ cho gia đình bà T theo diện dân tộc thiểu số, hiện bà T đang quản lý sử dụng.Trên lô 1 bà T có đào 01 giếng nước và trồng tiêu.

Khi còn sống ông N có thế chấp nhà đất trên cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M nhưng đã trả hết nợ và bà T đã lấy giấy chứng nhận QSDĐ về cất giữ. Nhà đất là bà Thu và các con ở, năm 2017 khi hai con trai bà T đi tù thì nhà đất trên lô 1 không ai ở và trông coi.

Đối với "Giấy cho đất" ngày 16/11/2006 bà T nộp cho Tòa án thì khoảng năm 2006 nhà nước có chính sách hỗ trợ xây nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số, bà T là người dân tộc Châu Ro nên được hỗ trợ nhưng muốn được nhà nước xây nhà thì phải có đất nên cha mẹ Bà đã làm giấy cho bà T, ông L đất để được hỗ trợ nhà ở chứ

không cho đất thật. Nếu như cha mẹ Bà cho thật thì đã làm thủ tục sang tên rồi. Do đó Bà đề nghị tòa không công nhận "Giấy cho đất" trên.

Nay, Bà yêu cầu Tòa chia di sản trên cho các đồng thừa kế. Cụ thể là chia như sau:

- Chia bằng hiện vật, mỗi người được hưởng 1 phần theo quy định của pháp luật. Tổng diện tích đất là 1.894,8m^2 có chiều ngang 25,74m nên chia cho 5 phần thừa kế, riêng bà T và các con đang ở trên lô 2 có căn nhà do nhà nước xây dựng nên chia cho bà Thu và các con hưởng toàn bộ lô 2 diện tích 555,1m^2 trong đó có 100m^2 đất thổ cư. Còn bà K, ông L, bà Q, bà D hưởng lô 1 có diện tích 1.339,8m^2, trong đó có 200m^2 đất thổ cư. Căn nhà trên đất chia như sau: Bà K, ông L, bà Q, bà D sử dụng nhà và thanh toán cho bà T, các con bà T bằng giá trị là 6.723.000 đồng.

- Đối với các tài sản khác như cây trồng, giếng đào trên đất do vợ chồng ông L bà T trồng thì bà K, ông L, bà Q, bà D sẽ thanh toán cho bà T và các con theo biên bản định giá của Hội đồng định giá là 87.208.000 đồng.

- Đối với khoản nợ 21.087.778 đồng của ông N vay ngân hàng thì bà K không đồng ý trả.

Bà đồng ý với sơ đồ vị trí của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 01/6/2018 và biên bản định giá ngày 05/12/2018.

Bị đơn

1. Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ) trình bày:

Bà đồng ý với nguyên đơn về gia tộc.

Bà không đồng ý với yêu cầu của bà K. Khi còn sống cha mẹ chồng đã cho vợ chồng Bà miếng đất, có xác nhận của UBND xã X. Vì vậy, Bà yêu cầu được hưởng riêng phần đất được cho là ngang 6m dài hết đất. Bà có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ nên yêu cầu được chia 6m ngang là 12m ngang chiều dài hết đất. Ngoài ra Bà yêu cầu khi anh Q, anh C ra tù thì được ở trên căn nhà của ông bà nội tại lô 1. Đối với số nợ Bà đã trả thay ông N 21.087.778 đồng thì yêu cầu bà K và các đồng thừa kế khác trả lại cho Bà. Còn cây trồng, giếng đào trên phần đất lô 1 của vợ chồng Bà. Bà đồng ý giá trị cây trồng trên đất là 73.208.000 đồng, giếng khoan là 14.000.000đồng, căn nhà trên đất là 33.617.550 đồng, đất là 80.000.000đ/1m ngang. Bà yêu cầu các đồng thừa kế khác trả toàn bộ giá trị cây trồng và giếng khoan cho gia đình Bà.

Bà đồng ý với sơ đồ vị trí của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 01/6/2018 và biên bản định giá ngày 05/12/2018.

Bà là giám hộ cho con là cháu Huỳnh Thị Kim H: Con gái Bà bị tâm thần, hiện Bà đang nuôi dưỡng.

2. Anh Huỳnh Văn C trình bày: Anh là con ruột ông Huỳnh Văn L và bà Dương Thị T. Anh cùng cha mẹ và các em ở trên đất đang tranh chấp có chiều ngang khoảng 28m chiều dài khoảng 70m. Trên đất có căn nhà do nhà nước hỗ trợ cho gia đình dân tộc thiểu số với số tiền là 15 triệu đồng để xây dựng. Anh không đồng ý yêu cầu của bà K vì ông bà nội khi còn sống đã cho cha mẹ Anh nhưng chưa kịp làm di chúc. Anh yêu cầu Tòa án cho gia đình Anh được hưởng toàn bộ di sản của ông bà nội để lại. Đối với công sức đóng góp thì Anh chỉ phụ mẹ trồng tiêu, bà T bỏ ra đầu

tư trên đất nên Anh đề nghị trả cho mẹ là bà T, còn căn nhà do nhà nước hỗ trợ đề nghị để gia đình Anh tiếp tục sử dụng.

Do hiện nay Anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc, thuộc Tổng cục VIII – Bộ Công an nên xin vắng mặt.

3. Anh Huỳnh Thanh Q trình bày: Anh là con ruột ông Huỳnh Văn L và bà Dương Thị T. Anh cùng cha mẹ và anh em ở trên đất đang tranh chấp. Bà K yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 172 tờ bản đồ số 7 xã M thì Anh không đồng ý vì đất này ông bà nội đã cho cha mẹ Anh khi còn sống làm nhà ở và gia đình Anh ở trên đất từ trước đến nay. Thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông nội, Anh biết được là do mẹ Anh là bà T đã trả nợ ngân hàng cho ông nội và lấy sổ đỏ về. Anh không đồng ý chia vì các cô chú đã được ông nội cho đất rồi, còn cha của anh chưa được chia và ông nội đã cho cha Anh phần đất này.

Do hiện nay Anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuyên Mộc, thuộc Tổng cục VIII – Bộ Công an nên xin vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D trình bày:

Các Ông Bà thống nhất với trình bày của bà K và đồng ý như yêu cầu của bà K.

Ông Bà đồng ý được chia chung thửa đất là lô 1 cùng căn nhà và tài sản khác trên đất cùng bà K và hoàn trả giá trị cho bà T.

Ông Bà đồng ý giá trị cây trồng trên đất là 73.208.000 đồng, giếng khoan là 14.000.000 đồng, căn nhà trên đất là 33.617.550 đồng,

Ông Bà không đồng ý trả cho bà T tiền vay ngân hàng là 21.087.778 đồng

Ông Bà đồng ý với sơ đồ vị trí của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M lập ngày 01/6/2018 và biên bản định giá ngày 05/12/2018.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã áp dụng: các Điều 140, 141, 428, 438, 631, 633, 634, 636, 645, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 623, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 5, 26, 35, 39, 85, 235, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 8, 31, 39 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 106, 113 Luật đất đai 2003; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 02/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cáo hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí lệ, phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia thừa kế là thửa đất số 172 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xã X, huyện M.

- Không công nhận giấy cho đất ngày 16/11/2006 của ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị T về việc cho ông Huỳnh Văn L và bà Dương Thị T diện tích đất 420m^2, có chiều ngang mặt tiền 06m và dài 70m tại tổ 6, ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Chia di sản như sau: Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D được sử dụng diện tích 1.339,8m^2 quyền sử dụng đất trong đó có 200m^2 đất thổ cư, tương ứng với lô 1 và căn nhà có diện tích 82,7m^2 và toàn bộ tài

sản trên đất. Bà Dương Thị T, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H được sử dụng lô 1 có diện tích 555,1m^2 (trong đó có 50m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 172 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xã X, huyện M. Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D phải thanh toán cho bà Dương Thị T, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H trị giá 1/5 căn nhà trên lô 2; thanh toán cho bà Dương Thị T giá trị cây trồng và 01 giếng khoan là 87.208.000 đồng, tương ứng mỗi người phải thanh toán cho bà T 21.802.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, bà Dương Thị T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng như sau: Chấp nhận giấy cho đất ngày 16/11/2006 của ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị T về việc cho ông Huỳnh Văn L và bà Dương Thị T diện tích đất 420m^2, có chiều ngang mặt tiền 06m và dài 70m. Khi chia di sản thừa kế đề nghị tính công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và công quản lý di sản, hiếu nghĩa, xây mộ và được xin chia bằng hiện vật là 6m chiều ngang mặt tiền dài hết đất, tổng cộng là 12m ngang.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có quyết định số 362/QĐ-KNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của TAND huyện Xuyên Mộc, đề nghị chấp nhận giấy cho đất ngày 16/11/2006 của ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị A về việc cho ông Huỳnh Văn L và bà Dương Thị T diện tích đất 420m^2 có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Dương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị, bà Huỳnh Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung các đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Dương Thị T (Dương Thị Đ) nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; quyết định kháng nghị số 362/QĐ/KHPT- VKS -DS ngày 21/6/2019 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kháng nghị bản án sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là đúng thẩm quyền, đúng thủ tục và trong thời hạn quy định tại các Điều 278, 279, 280, 281 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo, kháng nghị nêu trên.

[3] Về gia tộc các đương sự thống nhất: Ông Huỳnh Văn N (1932-2012) và bà Nguyễn Thị A (1931-2013) có 5 người con, gồm: Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị D. Ông Huỳnh Văn L chết năm 2016, hàng thừa kế gồm: Vợ là bà Dương Thị T (Dương Thị Đ) và 03 con là anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q và chị Huỳnh Thị Kim H.

[4] Di sản yêu cầu chia: Quyền sử dụng diện tích 1.894,9m^2 đất và một căn nhà có diện tích 82,7m^2 (trong đó có 250m^2 đất thổ cư và 1.344,9m^2 đất nông nghiệp), theo sơ đồ vị trí ngày 01/6/2018 thì được phân thành lô 1 diện tích 1.339,8m^2 và có căn nhà tranh chấp; lô 2 diện tích 555,1m^2. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G ngày 16/01/1996 đứng tên ông Huỳnh Văn N.

[5] Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như thỏa thuận ngày 19/9/2019 tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, cụ thể như sau:

- Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ), anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H được quyền sử dụng diện tích đất 819,5m^2 (ký hiệu Lô 2) thuộc thửa đất số 172 (mới 46), tờ bản đồ số 07 (mới 16) ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (tài sản có giá trị 135.570.000 đồng).

- Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 1075,4m^2 thuộc thửa đất số 172 (mới 46), tờ bản đồ số 07 (mới 16) ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(ký hiệu Lô 1) và tài sản trên đất (giá trị 228.517.550 đồng).

- Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ) có quyền thu hoạch hoạch hoa lợi, lợi tức trên lô 1 đến ngày 30/12/2019.

- Về chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá bà Huỳnh Thị K tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Đối với gia đình bà T thì các con bà T là anh C, anh Q đều đồng ý để bà Thu đại diện đứng tên toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí đối với phần di sản được hưởng (228.517.550 đồng : 4) x 5% = 2.850.000 đồng.

- Bà Dương Thị T, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H phải chịu là 135.570.000 đồng x 5% = 6.778.000 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên bà Dương Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D được quyền sử dụng diện tích 1075,4m^2 đất thuộc thửa đất số 172 (mới 46), tờ bản đồ số 07 (mới 16) ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu(trong đó có 150m^2 đất thổ cư, ký hiệu Lô 1) và căn nhà có diện tích 82,7m^2 cùng toàn bộ tài sản trên đất.

2. Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ), anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H được sử dụng diện tích 819,5m^2 (trong đó có 100m^2 đất thổ cư, ký hiệu lô 2) thuộc thửa đất số 172 (mới 46), tờ bản đồ số 07 (mới 16) ấp T, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Bà Dương Thị T (Dương Thị Đ), anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H được thu hoạch hoa lợi, lợi tức trên diện tích đất lô 1 đến ngày 30/12/2019.

4. Bà Dương Thị T, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất cùng tài sản trên đất thuộc Lô 1 cho bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D.

Vị trí, diện tích đất theo sơ đồ vị trí của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuyên Mộc lập kèm theo bản án.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Về chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định Huỳnh Thị K tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch như sau: Bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn L, bà Huỳnh Thị Q, bà Huỳnh Thị D mỗi người phải nộp 2.850.000 (*hai triệu tám trăm năm mươi ngàn*) đồng.

Bà Dương Thị T, anh Huỳnh Văn C, anh Huỳnh Thanh Q, chị Huỳnh Thị Kim H phải nộp 6.778.000 (*sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn*) đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị T phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (*ba trăm ng*àn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008963 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Bà T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Phương Bắc

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND h. M
- Các đương sự;
- Chi cục THA h.M;
- Lưu hồ sơ vụ án.